

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07/10/2021
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung
2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 239/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1985; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2021, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh C cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh vào ngày 11/01/2013, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xự cãi, bất hòa với nhau. Nguyên nhân do anh C không chịu chăm lo làm ăn, chỉ biết uống rượu, không chăm lo, quan tâm cho vợ con như trước. Chị khuyên anh C nhiều lần và cho anh C nhiều cơ hội để sửa đổi tính tình nhưng anh C không thay đổi. Chị đã dẫn con chung về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 cho đến nay, đó cũng là thời gian sống ly thân giữa chị và anh C. Trong thời gian sống ly thân chị và anh C không có tìm cách giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 15/4/2013. Cháu D đang do chị D chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Tại bản tự khai ngày 26/5/2021, trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về điều kiện kết hôn anh đồng ý với ý kiến trình bày của D.

Về hôn nhân anh không đồng ý ly hôn với chị D, anh còn thương vợ thương con, muốn chị D cho anh thêm cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng lo cho con. Anh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi không hòa thuận. Nguyên nhân do anh không biết chăm lo kinh tế, không lo cho vợ con chu đáo, anh nuôi tôm bị thua lỗ và bạn bè thường xuyên rủ rê uống rượu nên chị D giận và dẫn con chung về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh thường xuyên tới lui thăm nom con và tìm cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị D đều từ chối. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 15/4/2013, con chung đang sống chung với chị D. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: chị D vắng mặt

Anh C vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội D: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 15/4/2013 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh vào ngày 11/01/2013 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh C không chăm lo phát triển kinh tế, không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho vợ con chu đáo, anh C nuôi tôm bị thua lỗ và bạn bè thường xuyên rủ rê uống rượu, chị D khuyên nhưng anh C không thay đổi. Nên chị D đã dẫn con chung về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm

2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh C đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không kết quả, anh C cũng không có biện pháp gì để hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị D và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó chị D yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh C có 01 con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 15/4/2013. Chị D và anh C đều có yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu D do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu D cũng có nguyện vọng sống chung với chị D. Do đó, yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D của chị D là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội D giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 11/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 15/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000478 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Duy Linh